

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2026
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bẩm

2. Bà Nguyễn Thị Thuý An

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa:

1. **Nguyên đơn:** ông Lâm Văn T, sinh năm 1978 (đơn yêu cầu vắng mặt).
Số CCCD số 089078XXXXXX, do Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp.

Nơi cư trú: tổ 09, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** bà Lê Thị H, sinh năm 1985, (vắng mặt).
Số CCCD 038185XXXXXX, do Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp.

Nơi cư trú: tổ 09, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02/03/2026, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lâm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà H quen biết tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 16/02/2005. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà trọ chung sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân về vấn đề tiền bạc kinh

tế gia đình, bà H không chăm lo cho gia đình mà còn nhiều lần vay nợ để chơi cờ bạc, ông phải trả nợ thay cho bà, nhiều lần mâu thuẫn cãi vã nhau thì bà H nói nhiều lời lẽ xúc phạm ông; ông và gia đình cũng đã khuyên ngăn hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2025, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông bỏ đi. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi từ năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Trọng N, sinh ngày 03/4/2007, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: bà Lê Thị H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông Lâm Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị H. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của ông T bà H được xác lập năm 2014 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: ông T và bà H có 01 con chung tên Lâm Trọng N, sinh ngày 03/4/2007, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn T.

1. Về hôn nhân: ông Lâm Văn T được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Lâm Trọng N, sinh ngày 03/4/2007, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Lâm Văn T phải chịu án phí là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 302655 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú Lâm, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền

